

**BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC**  
**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025*

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐƯỢC THAM DỰ VÒNG 2**

| STT | Số ĐK | Họ và Tên            | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                    | CDNN dự tuyển     | Đơn vị dự tuyển              | Đối tượng ưu tiên                         | Ghi chú |
|-----|-------|----------------------|------------|------------|---------|----------------------------------------|-------------------|------------------------------|-------------------------------------------|---------|
|     |       |                      | Nam        | Nữ         |         |                                        |                   |                              |                                           |         |
| 1   | 171   | Phạm Ngọc Huy        | 09/05/1991 |            | Kinh    | Thạc sĩ Y học chuyên ngành Ngoại khoa  | Bác sĩ (hạng III) | Phòng Nghiên cứu khoa học    |                                           |         |
| 2   | OL054 | Mỹ Duy Tùng          | 26/01/1990 |            | Kinh    | Thạc sĩ y khoa chuyên ngành Ngoại khoa | Bác sĩ (hạng III) | Phòng Nghiên cứu khoa học    |                                           |         |
| 3   | 174   | Đỗ Thu Trang         |            | 21/10/1995 | Kinh    | Bác sĩ Y đa khoa                       | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Vi sinh                 |                                           |         |
| 4   | 081   | Ngô Văn Thảo         | 10/09/1994 |            | Kinh    | BSNT Gây mê hồi sức                    | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Gây mê 2                | Con thương binh                           |         |
| 5   | 082   | Đặng Tuấn Quang      | 11/03/1996 |            | Kinh    | BSNT Gây mê hồi sức                    | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Gây mê 2                |                                           |         |
| 6   | 106   | Đoàn Quang Lộc       | 06/02/1996 |            | Kinh    | BSNT Gây mê hồi sức                    | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Khám bệnh               |                                           |         |
| 7   | 108   | Nguyễn Huy Đạt       | 21/09/1999 |            | Kinh    | Bác sĩ đa khoa                         | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Khám bệnh               |                                           |         |
| 8   | 116   | Nguyễn Hữu Công      | 21/01/1994 |            | Kinh    | Bác sĩ Y khoa                          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Khám bệnh               |                                           |         |
| 9   | 131   | Nguyễn Văn Chung     | 22/02/1991 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa                        | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Khám bệnh               | Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị |         |
| 10  | 137   | Ngô Mạnh Linh        | 22/10/1995 |            | Kinh    | Bác sĩ đa khoa                         | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Khám bệnh               |                                           |         |
| 11  | 111   | Chữ Văn Dũng         | 05/02/1994 |            | Kinh    | BSNT Thần kinh                         | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Nội - Hồi sức thần kinh |                                           |         |
| 12  | 173   | Nguyễn Thị Hồng Phấn |            | 14/03/1993 | Kinh    | BSNT Thần kinh                         | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Nội - Hồi sức thần kinh |                                           |         |

| STT | Số ĐK | Họ và Tên          | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn      | CDNN dự tuyển     | Đơn vị dự tuyển                       | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|--------------------|------------|------------|---------|--------------------------|-------------------|---------------------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                    | Nam        | Nữ         |         |                          |                   |                                       |                   |         |
| 13  | 146   | Lê Thị Phương      |            | 03/08/1994 | Kinh    | Bác sĩ đa khoa ĐHCK GMHS | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Nội - Hồi sức thần kinh          |                   |         |
| 14  | 160   | Nguyễn Việt Thắng  | 28/06/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Thần kinh 2           |                   |         |
| 15  | 095   | Nguyễn Văn Đán     | 18/12/1995 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Ngoại Tim mạch - Lồng ngực       |                   |         |
| 16  | 135   | Nguyễn Minh Trí    | 13/02/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Ngoại Tim mạch - Lồng ngực       |                   |         |
| 17  | 066   | Phạm Quốc Trinh    | 18/10/1995 |            | Kinh    | Bác sĩ đa khoa           | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp |                   |         |
| 18  | 187   | Phạm Văn Hiệp      | 07/02/1996 |            | Kinh    | BSNT Nội tim mạch        | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp |                   |         |
| 19  | 188   | Đinh Thị Trang     |            | 29/04/1996 | Kinh    | BSNT Nội tim mạch        | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp |                   |         |
| 20  | 189   | Nguyễn Quỳnh Trang |            | 23/09/1996 | Kinh    | BSNT Nội tim mạch        | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp |                   |         |
| 21  | 119   | Lê Văn Lập         | 12/10/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Điều trị theo yêu cầu            |                   |         |
| 22  | 124   | Nguyễn Văn Sự      | 25/05/1995 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Điều trị theo yêu cầu            |                   |         |
| 23  | 046   | Nguyễn Văn Thắng   | 12/10/1995 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Cấp cứu bụng          |                   |         |
| 24  | 090   | Phạm Xuân Duy      | 08/12/1995 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Tiết niệu             |                   |         |
| 25  | 112   | Chu Minh Phúc      | 15/12/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Gan mật               |                   |         |
| 26  | 134   | Nguyễn Mạnh Hùng   | 26/02/1995 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Gan mật               |                   |         |
| 27  | 094   | Đỗ Hải Đăng        | 22/09/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa          | Bác sĩ (hạng III) | Trung tâm Ghép tạng                   |                   |         |



| STT | Số ĐK | Họ và Tên        | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                            | CDNN dự tuyển         | Đơn vị dự tuyển                           | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|------------------|------------|------------|---------|------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                  | Nam        | Nữ         |         |                                                |                       |                                           |                   |         |
| 28  | 167   | Phạm Thanh Hải   | 27/08/1995 |            | Kinh    | BSNT Nội khoa                                  | Bác sĩ (hạng III)     | Trung tâm Ghép tạng                       |                   |         |
| 29  | 144   | Phạm Quang Đức   | 07/07/1994 |            | Kinh    | BSNT Nội khoa                                  | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Thận lọc máu                         |                   |         |
| 30  | 138   | Nguyễn Huy Thiệp | 02/02/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa                                | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Phẫu thuật Chi trên & Y học thể thao |                   |         |
| 31  | 099   | Ngô Đức Quang    | 08/12/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa                                | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Phẫu thuật Chấn thương chung         |                   |         |
| 32  | 120   | Nguyễn Tiến Dũng | 09/12/1995 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa                                | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Phẫu thuật Chấn thương chung         |                   |         |
| 33  | 132   | Trần Thái Hùng   | 27/06/1994 |            | Kinh    | BSNT PHCN                                      | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Phục hồi chức năng                   |                   |         |
| 34  | 151   | Trần Ngọc Hùng   | 20/04/1983 |            | Kinh    | Bác sĩ Chuyên khoa I Y học cổ truyền ĐHCK PHCN | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Phục hồi chức năng                   |                   |         |
| 35  | OL051 | Nhâm Thị Quỳnh   |            | 06/11/1997 | Kinh    | Bác sĩ Y học cổ truyền                         | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Phục hồi chức năng                   |                   |         |
| 36  | 033   | Cao Đắc Tuấn     | 07/03/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa                                | Bác sĩ (hạng III)     | Trung tâm Nam học                         |                   |         |
| 37  | 085   | Nguyễn Viết Lực  | 17/07/1994 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa                                | Bác sĩ (hạng III)     | Trung tâm Tế bào gốc                      |                   |         |
| 38  | 143   | Nguyễn Văn Công  | 16/02/1995 |            | Kinh    | BSNT Ngoại khoa                                | Bác sĩ (hạng III)     | Khoa Ung bướu                             |                   |         |
| 39  | 175   | Đào Duy Sơn      | 27/03/1998 |            | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng                             | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Gây mê 1                             |                   |         |
| 40  | 004   | Đào Đình Tuyên   | 07/06/1999 |            | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng                             | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                            |                   |         |
| 41  | 053   | Dương Huyền Linh |            | 01/11/2000 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng                             | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                            |                   |         |
| 42  | 080   | Nguyễn Hải Ngọc  |            | 27/01/1999 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng                             | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                            |                   |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên          | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển         | Đơn vị dự tuyển                   | Đối tượng ưu tiên      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------------|------------|---------|---------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|---------|
|     |        |                    | Nam        | Nữ         |         |                     |                       |                                   |                        |         |
| 43  | 084    | Dương Thị Yên      |            | 22/07/1998 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                    |                        |         |
| 44  | 157    | Trần Trọng Sơn     | 22/12/1996 |            | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                    |                        |         |
| 45  | 236    | Nguyễn Thị Thúy    |            | 23/06/2002 | Mường   | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                    | Người dân tộc thiểu số |         |
| 46  | 246    | Lê Thanh Hiếu      | 04/11/1996 |            | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                    |                        |         |
| 47  | OL0106 | Nguyễn Thị Thúy    |            | 10/02/1989 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                    |                        |         |
| 48  | OL0254 | Vũ Thị Minh Phương |            | 09/08/2002 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                    |                        |         |
| 49  | OL0278 | Bùi Thị Dung       |            | 06/10/2000 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Khám bệnh                    |                        |         |
| 50  | 037    | Trần Mỹ Linh       |            | 20/06/1999 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Cấp cứu bụng      |                        |         |
| 51  | 038    | Nguyễn Thị Nhân    |            | 23/02/1996 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Cấp cứu bụng      |                        |         |
| 52  | 199    | Ma Thị Thanh Mai   |            | 30/05/1998 | Tày     | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Cấp cứu bụng      | Người dân tộc thiểu số |         |
| 53  | OL0261 | Nguyễn Thị Thu     |            | 02/08/1995 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Cấp cứu bụng      |                        |         |
| 54  | 109    | Nguyễn Thị Thùy    |            | 12/12/1997 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Chi dưới          |                        |         |
| 55  | BC42   | Trần Thị Thảo      |            | 20/01/1988 | Kinh    | Cử nhân điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Chi dưới          | Con thương binh        |         |
| 56  | 118    | Nguyễn Diệu Linh   |            | 05/10/2000 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Chấn thương chung |                        |         |



| STT | Số ĐK | Họ và Tên              | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển         | Đơn vị dự tuyển            | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|------------------------|------------|------------|---------|---------------------|-----------------------|----------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                        | Nam        | Nữ         |         |                     |                       |                            |                   |         |
| 57  | 200   | Trần Phương Linh       |            | 17/04/1998 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Cột sống   |                   |         |
| 58  | 238   | Nguyễn Thị Phương Thảo |            | 28/08/2002 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Phẫu thuật Cột sống   |                   |         |
| 59  | 040   | Phạm Hải Anh           |            | 07/05/1998 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng  | Điều dưỡng (hạng III) | Khoa Ung bướu              |                   |         |
| 60  | 156   | Hồ Thị Hà              |            | 14/02/1998 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Giải phẫu bệnh        |                   |         |
| 61  | 127   | Đào Thị Thủy           |            | 31/01/1992 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn |                   |         |
| 62  | 181   | Nguyễn Thị Hà          |            | 07/12/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Nội soi               |                   |         |
| 63  | 075   | Nguyễn Thảo Ngân       |            | 19/10/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Gây mê 1              |                   |         |
| 64  | 162   | Lê Đức Hiền            | 16/03/1999 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Gây mê 1              |                   |         |
| 65  | 176   | Trần Hải Nam           | 04/01/2001 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Gây mê 1              |                   |         |
| 66  | 049   | Nguyễn Phan Hải        | 10/05/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Hồi sức tích cực 1    |                   |         |
| 67  | 060   | Nguyễn Gia Bách        | 23/11/2000 | 23/11/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Hồi sức tích cực 1    |                   |         |
| 68  | 061   | Đặng Thị Nguyệt        |            | 07/09/1996 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Hồi sức tích cực 1    |                   |         |
| 69  | 062   | Nguyễn Khắc Đạt        | 02/10/1997 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Hồi sức tích cực 1    |                   |         |
| 70  | 067   | Trần Văn Việt          | 05/10/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Hồi sức tích cực 1    |                   |         |
| 71  | BC47  | Vũ Mạnh Tâm            | 23/08/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV)  | Khoa Hồi sức tích cực 1    |                   |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên          | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển        | Đơn vị dự tuyển         | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------------|------------|---------|---------------------|----------------------|-------------------------|-------------------|---------|
|     |        |                    | Nam        | Nữ         |         |                     |                      |                         |                   |         |
| 72  | OL0205 | Bùi Văn Hải        | 03/12/2003 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 1 |                   |         |
| 73  | 044    | Lê Thị Liên        |            | 05/05/1996 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 2 |                   |         |
| 74  | 052    | Bùi Văn Anh        |            | 11/12/1996 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 2 |                   |         |
| 75  | 070    | Trịnh Thanh Hằng   |            | 06/12/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 2 |                   |         |
| 76  | 117    | Dương Thị Quỳnh    |            | 17/11/1995 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 2 |                   |         |
| 77  | 122    | Nguyễn Việt Tiến   | 14/10/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 2 |                   |         |
| 78  | 165    | Nguyễn Thành Luân  | 24/07/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 2 |                   |         |
| 79  | 193    | Dương Thị Minh     |            | 19/05/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực 2 |                   |         |
| 80  | 030    | Phạm Hồng Quang    | 14/08/1998 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh          |                   |         |
| 81  | 087    | Nguyễn Phúc Nguyễn | 24/02/2000 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh          |                   |         |
| 82  | 088    | Nguyễn Công Minh   | 24/10/2000 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh          |                   |         |
| 83  | 089    | Nguyễn Duy Anh     | 16/05/1999 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh          |                   |         |
| 84  | 091    | Lê Thu Hiền        |            | 05/10/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh          |                   |         |
| 85  | 092    | Trần Chí Công      | 19/04/1999 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh          |                   |         |



| STT | Số ĐK | Họ và Tên         | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển        | Đơn vị dự tuyển | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|-------------------|------------|------------|---------|---------------------|----------------------|-----------------|-------------------|---------|
|     |       |                   | Nam        | Nữ         |         |                     |                      |                 |                   |         |
| 86  | 093   | Lê Quang Sang     | 19/05/1990 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 87  | 096   | Hoàng Thị Thủy    |            | 02/04/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 88  | 100   | Nguyễn Thành Công | 09/07/1999 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 89  | 101   | Nguyễn Việt Trâm  |            | 17/05/2001 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 90  | 133   | Phạm Thị Hiền     |            | 31/10/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 91  | 149   | Đặng Văn Thắng    | 28/12/1998 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 92  | 154   | Đoàn Thị An       |            | 05/02/1992 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 93  | 155   | Nguyễn Hữu Toàn   | 24/10/1998 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 94  | 192   | Nguyễn Thị Mai    |            | 25/11/2003 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 95  | 235   | Hoàng Thị Thanh   |            | 02/01/1998 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 96  | 240   | Đặng Đình Tuấn    | 05/02/1990 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 97  | 242   | Hà Thị Huyền      |            | 28/01/1996 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |
| 98  | OL076 | Nguyễn Thúy Huyền |            | 17/12/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh  |                   |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên          | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển        | Đơn vị dự tuyển                       | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------------|------------|---------|---------------------|----------------------|---------------------------------------|-------------------|---------|
|     |        |                    | Nam        | Nữ         |         |                     |                      |                                       |                   |         |
| 99  | OL094  | Nguyễn Mạnh Cường  | 30/09/2000 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh                        |                   |         |
| 100 | OL0189 | Lê Thị Hương       |            | 24/01/1988 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Khám bệnh                        |                   |         |
| 101 | 078    | Trần Văn Hà Quang  | 22/07/1998 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội - Hồi sức thần kinh          |                   |         |
| 102 | 136    | Nguyễn Văn Chiến   | 13/07/1991 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội - Hồi sức thần kinh          |                   |         |
| 103 | 153    | Trần Văn Việt      | 12/03/1989 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội - Hồi sức thần kinh          |                   |         |
| 104 | 097    | Vũ Thành Đạt       | 24/04/1998 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Thần kinh 1           |                   |         |
| 105 | 079    | Đào Thị Phương     |            | 20/08/1993 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Thần kinh 2           |                   |         |
| 106 | 115    | Trần Hồng Nhung    |            | 15/02/1993 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Thần kinh 2           |                   |         |
| 107 | 179    | Nguyễn Thị Lệ Thủy |            | 12/12/2001 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Ngoại Tim mạch - Lồng ngực       |                   |         |
| 108 | 195    | Nguyễn Phi Nam     | 08/03/1994 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Ngoại Tim mạch - Lồng ngực       |                   |         |
| 109 | 002    | Nguyễn Thanh Hà    |            | 18/03/2002 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp |                   |         |



| STT | Số ĐK | Họ và Tên         | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển        | Đơn vị dự tuyển                            | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|-------------------|------------|------------|---------|---------------------|----------------------|--------------------------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                   | Nam        | Nữ         |         |                     |                      |                                            |                   |         |
| 110 | 056   | Phan Thị Thảo     |            | 24/11/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp      |                   |         |
| 111 | 058   | Vũ Mai Anh        |            | 02/10/1998 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp      |                   |         |
| 112 | 072   | Trần Ngọc Dũng    | 15/03/1993 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp      |                   |         |
| 113 | 083   | Đỗ Thị Hoa        |            | 28/12/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp      |                   |         |
| 114 | 130   | Hoàng Thị Giang   |            | 21/09/1992 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp      |                   |         |
| 115 | 145   | Nguyễn Thùy Linh  |            | 30/08/1998 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp      |                   |         |
| 116 | 239   | Đinh Xuân Đức     | 24/05/1998 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Nội, Can thiệp Tim mạch - Hô hấp      |                   |         |
| 117 | 191   | Hoàng Quỳnh Giang |            | 22/10/1995 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực Tim mạch - Lồng ngực |                   |         |
| 118 | 196   | Nguyễn Tiến Đạt   | 28/10/1993 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Hồi sức tích cực Tim mạch - Lồng ngực |                   |         |
| 119 | 113   | Nguyễn Linh Trang |            | 15/04/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Điều trị theo yêu cầu                 |                   |         |
| 120 | 114   | Lý Quốc Huy       | 04/06/1999 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Điều trị theo yêu cầu                 |                   |         |
| 121 | 121   | Đỗ Đức Tuấn       | 27/07/1994 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Điều trị theo yêu cầu                 |                   |         |

| STT | Số ĐK | Họ và Tên              | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển        | Đơn vị dự tuyển                   | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|------------------------|------------|------------|---------|---------------------|----------------------|-----------------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                        | Nam        | Nữ         |         |                     |                      |                                   |                   |         |
| 122 | 228   | Nguyễn Thị Ngọc Diệp   |            | 26/10/2002 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Tiêu hóa          |                   |         |
| 123 | 251   | Bùi Hồng Sơn           | 06/04/1993 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Tiêu hóa          |                   |         |
| 124 | 048   | Vũ Thanh Tùng          | 20/10/1992 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Nhiễm khuẩn       |                   |         |
| 125 | 069   | Nguyễn Thị Như         |            | 29/12/1995 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Nhiễm khuẩn       |                   |         |
| 126 | 168   | Trương Thái Sơn        | 05/08/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Nhiễm khuẩn       |                   |         |
| 127 | 039   | Đặng Thị Thu Hằng      |            | 01/10/1998 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Tiết niệu         |                   |         |
| 128 | 050   | Nguyễn Thị Quỳnh Anh   |            | 06/12/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Tiết niệu         |                   |         |
| 129 | 104   | Đoàn Thị Trung Anh     |            | 28/05/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Gan mật           |                   |         |
| 130 | 107   | Nguyễn Thị Mai Thu     |            | 23/06/2000 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Gan mật           |                   |         |
| 131 | 247   | Nguyễn Tuấn Hưng       | 06/07/1999 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Thận lọc máu                 |                   |         |
| 132 | 086   | Nguyễn Phú Hoàng Giang | 25/10/2000 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Chấn thương chung |                   |         |
| 133 | 169   | Nguyễn Hải Hưng        | 28/10/1998 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Cột sống          |                   |         |
| 134 | 170   | Nguyễn Ngọc Dũng       | 28/07/1990 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Cột sống          |                   |         |



| STT | Số ĐK | Họ và Tên            | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển        | Đơn vị dự tuyển                              | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|----------------------|------------|------------|---------|---------------------|----------------------|----------------------------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                      | Nam        | Nữ         |         |                     |                      |                                              |                   |         |
| 135 | 172   | Nguyễn Duy Hoàng     | 13/03/1994 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phẫu thuật Hàm mặt - Tạo hình - Thẩm mỹ |                   |         |
| 136 | 126   | Nguyễn Sỹ Hoàng      | 06/10/2001 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phục hồi chức năng                      |                   |         |
| 137 | 141   | Nguyễn Thị Lan Anh   |            | 03/01/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Phục hồi chức năng                      |                   |         |
| 138 | 142   | Nguyễn Thị Bích Ngọc |            | 05/04/1998 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng | Điều dưỡng (hạng IV) | Khoa Ung bướu                                |                   |         |
| 139 | 028   | Nguyễn Thị Vinh      |            | 24/01/1988 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |
| 140 | 102   | Phạm Ngọc Hoa Linh   |            | 11/12/1998 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |
| 141 | 103   | Lê Hương Giang       |            | 13/08/1997 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |
| 142 | 190   | Trần Thị Phương      |            | 12/03/1996 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |
| 143 | 197   | Vũ Thị Thanh Hoa     |            | 18/03/1985 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    | Con thương binh   |         |
| 144 | 212   | Đặng Minh Hoàng      | 11/11/2000 |            | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |
| 145 | 223   | Nguyễn Diệu Lý       |            | 13/08/1999 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |
| 146 | 234   | Đỗ Thị Thu           |            | 16/12/1996 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |
| 147 | 248   | Đào Thị Mai          |            | 12/08/1989 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III)   | Khoa Dược                                    |                   |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên           | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn | CDNN dự tuyển      | Đơn vị dự tuyển     | Đối tượng ưu tiên      | Ghi chú |
|-----|--------|---------------------|------------|------------|---------|---------------------|--------------------|---------------------|------------------------|---------|
|     |        |                     | Nam        | Nữ         |         |                     |                    |                     |                        |         |
| 148 | BC03   | Nguyễn Văn Dũng     | 21/09/1997 |            | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 149 | BC14   | Đỗ An Bình          |            | 30/11/1999 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 150 | OL079  | Bùi Thị Bích Phượng |            | 27/09/1993 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 151 | OL0108 | Trần Thị Phương     |            | 26/05/1999 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 152 | OL0141 | Nguyễn Thị Nguyên   |            | 18/05/1990 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 153 | OL0142 | Nguyễn Trung Đức    | 13/10/1993 |            | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 154 | OL0178 | Nguyễn Thị Yến Linh |            | 23/12/2000 | Thổ     | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           | Người dân tộc thiểu số |         |
| 155 | OL0192 | Phạm Thị Hồng       |            | 02/09/2000 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 156 | OL0279 | Lưu Thị Hiền        |            | 14/07/1994 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 157 | OL0298 | Nguyễn Ánh Ngọc     |            | 15/02/1999 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 158 | OL0307 | Nguyễn Thị Thủy     |            | 01/03/1998 | Kinh    | Dược sĩ             | Dược sĩ (hạng III) | Khoa Dược           |                        |         |
| 159 | 161    | Nguyễn Ngọc Dũng    | 04/06/1986 |            | Kinh    | Cao đẳng Dược       | Dược hạng IV       | Nhà thuốc Bệnh viện |                        |         |
| 160 | 166    | Trần My My          |            | 09/08/1993 | Kinh    | Cao đẳng Dược       | Dược hạng IV       | Nhà thuốc Bệnh viện |                        |         |



| STT | Số ĐK  | Họ và Tên          | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn               | CDNN dự tuyển         | Đơn vị dự tuyển         | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------------|------------|---------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------|---------|
|     |        |                    | Nam        | Nữ         |         |                                   |                       |                         |                   |         |
| 161 | OL0103 | Nguyễn Thị Nga     |            | 23/04/1993 | Kinh    | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV          | Nhà thuốc Bệnh viện     |                   |         |
| 162 | OL0151 | Vũ Thanh Phương    |            | 23/08/1999 | Kinh    | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV          | Nhà thuốc Bệnh viện     |                   |         |
| 163 | 186    | Dương Thị Chắt     |            | 04/12/1990 | Kinh    | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV          | Khoa Khám bệnh          |                   |         |
| 164 | BC33   | Trần Thị Thu Trang |            | 08/10/2003 | Kinh    | Cao đẳng Dược                     | Dược hạng IV          | Khoa Khám bệnh          | Con thương binh   |         |
| 165 | 164    | Lê Quang Đạo       | 03/07/2001 |            | Kinh    | Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học   | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |                   |         |
| 166 | 182    | Lê Thị Dung        |            | 20/12/1994 | Kinh    | Cử nhân Xét nghiệm y học          | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |
| 167 | 183    | Lường Thị Thùy     |            | 24/03/1991 | Kinh    | Cử nhân Kỹ thuật y học            | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |
| 168 | BC43   | Phạm Thị Hòa       |            | 15/12/2002 | Kinh    | Cử nhân Xét nghiệm y học          | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |
| 169 | OL065  | Nguyễn Anh Duy     | 01/08/2002 |            | Kinh    | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |
| 170 | OL0161 | Vũ Lê Ngọc Huyền   |            | 14/06/2002 | Kinh    | Cử nhân xét nghiệm y học          | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |
| 171 | OL0166 | Nguyễn Đạt Anh     |            | 05/02/2000 | Kinh    | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |
| 172 | OL0239 | Nguyễn Thị Dung    |            | 24/03/1988 | Kinh    | Chuyên khoa I - Xét nghiệm y học  | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |
| 173 | OL0255 | Phạm Thu Trang     |            | 24/01/2000 | Kinh    | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y (hạng III) | Trung tâm Truyền máu    |                   |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên         | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                | CDNN dự tuyển         | Đơn vị dự tuyển         | Đối tượng ưu tiên                 | Ghi chú |
|-----|--------|-------------------|------------|------------|---------|------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------------------|---------|
|     |        |                   | Nam        | Nữ         |         |                                    |                       |                         |                                   |         |
| 174 | 140    | Nguyễn Minh Hiếu  | 08/06/1998 |            | Kinh    | Cử nhân kỹ thuật Xét nghiệm y học  | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Giải phẫu bệnh     |                                   |         |
| 175 | 219    | Nguyễn Thị Mai    |            | 04/12/2002 | Kinh    | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học  | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Giải phẫu bệnh     |                                   |         |
| 176 | OL0208 | Nguyễn Phú Hiếu   | 27/06/1994 |            | Kinh    | Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học  | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Giải phẫu bệnh     |                                   |         |
| 177 | OL0289 | Lê Thị Mai Anh    |            | 30/03/2002 | Kinh    | Cử nhân xét nghiệm y học           | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Giải phẫu bệnh     |                                   |         |
| 178 | 051    | Đoàn Thanh Hoa    |            | 30/11/1997 | Kinh    | Cử nhân Kỹ thuật PHCN              | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Phục hồi chức năng |                                   |         |
| 179 | 147    | Nguyễn Trần Tuấn  | 11/11/1999 |            | Kinh    | Cử nhân Kỹ thuật PHCN              | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Phục hồi chức năng |                                   |         |
| 180 | 148    | Đặng Quốc Anh     | 06/12/1997 |            | Kinh    | Cử nhân Kỹ thuật PHCN              | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Phục hồi chức năng |                                   |         |
| 181 | 150    | Vũ Văn Hiệp       | 29/01/1999 |            | Kinh    | Cử nhân Kỹ thuật PHCN              | Kỹ thuật y (hạng III) | Khoa Phục hồi chức năng |                                   |         |
| 182 | 018    | Trần Quang Bách   | 15/07/1997 |            | Kinh    | Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh y học   | Kỹ thuật y (hạng IV)  | Khoa Chẩn đoán hình ảnh | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự |         |
| 183 | 045    | Trần Đình Thiện   | 11/10/1997 |            | Kinh    | Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh y học   | Kỹ thuật y (hạng IV)  | Khoa Chẩn đoán hình ảnh |                                   |         |
| 184 | 177    | Lê Thị Mai        |            | 07/12/2000 | Kinh    | Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học | Kỹ thuật y (hạng IV)  | Khoa Vi sinh            |                                   |         |
| 185 | 178    | Nguyễn Văn Hoàng  | 28/04/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm y học | Kỹ thuật y (hạng IV)  | Khoa Vi sinh            |                                   |         |
| 186 | 064    | Đỗ Thị Thu        |            | 01/01/1996 | Kinh    | Cao đẳng Phục hồi chức năng        | Kỹ thuật y (hạng IV)  | Khoa Phục hồi chức năng |                                   |         |
| 187 | 065    | Nguyễn Duy Phương | 05/07/1999 |            | Kinh    | Cao đẳng Kỹ thuật VLTL và PHCN     | Kỹ thuật y (hạng IV)  | Khoa Phục hồi chức năng |                                   |         |



| STT | Số ĐK  | Họ và Tên           | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn              | CDNN dự tuyển | Đơn vị dự tuyển                                                      | Đối tượng ưu tiên                 | Ghi chú |
|-----|--------|---------------------|------------|------------|---------|----------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------|
|     |        |                     | Nam        | Nữ         |         |                                  |               |                                                                      |                                   |         |
| 188 | 021    | Phạm Nguyễn Tú Ngân |            | 22/05/1999 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng              | Cán sự        | Phòng Kế hoạch tổng hợp                                              |                                   |         |
| 189 | BC17   | Trần Thị Huế        |            | 04/11/1992 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng              | Cán sự        | Phòng Kế hoạch tổng hợp                                              |                                   |         |
| 190 | 139    | Giáp Thị Thùy       |            | 09/10/1990 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng              | Cán sự        | Phòng Quản lý chất lượng                                             |                                   |         |
| 191 | 152    | Chu Thị Hương Giang |            | 12/12/2001 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng              | Cán sự        | Phòng Quản lý chất lượng                                             |                                   |         |
| 192 | 035    | Hoàng Thúy An       |            | 05/12/1996 | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng              | Cán sự        | Phòng đào tạo - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức             |                                   |         |
| 193 | 034    | Nguyễn Văn Hùng     | 17/11/1996 |            | Kinh    | Cao đẳng Điều dưỡng              | Cán sự        | Phòng Hành chính tổng hợp - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự |         |
| 194 | 043    | Trần Tuấn Linh      | 30/10/2000 |            | Kinh    | Cao đẳng Kỹ thuật Hình ảnh y học | Cán sự        | Phòng Hành chính tổng hợp - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                                   |         |
| 195 | 068    | Nguyễn Hoàng Sơn    | 29/03/1998 |            | Kinh    | Cử nhân Quản trị nhân lực        | Chuyên viên   | Phòng Tổ chức cán bộ                                                 |                                   |         |
| 196 | BC12   | Dương Thị Hằng      |            | 14/10/1991 | Kinh    | Cử nhân Quản trị nhân lực        | Chuyên viên   | Phòng Tổ chức cán bộ                                                 |                                   |         |
| 197 | OL0139 | Lê Thị Thúy         |            | 20/10/1984 | Kinh    | Cử nhân Quản trị nhân lực        | Chuyên viên   | Phòng Tổ chức cán bộ                                                 |                                   |         |
| 198 | OL0149 | Trần Hương Giang    |            | 27/06/2003 | Kinh    | Cử nhân Quản trị nhân lực        | Chuyên viên   | Phòng Tổ chức cán bộ                                                 |                                   |         |
| 199 | OL0171 | Lưu Huyền Trang     |            | 19/09/2002 | Tày     | Cử nhân Quản trị nhân lực        | Chuyên viên   | Phòng Tổ chức cán bộ                                                 | Người dân tộc thiểu số            |         |
| 200 | 001    | Chung Thị Minh Hiếu |            | 22/09/2001 | Tày     | Cử nhân Luật                     | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị                                            | Người dân tộc thiểu số            |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên          | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn            | CDNN dự tuyển | Đơn vị dự tuyển           | Đối tượng ưu tiên      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------------|------------|---------|--------------------------------|---------------|---------------------------|------------------------|---------|
|     |        |                    | Nam        | Nữ         |         |                                |               |                           |                        |         |
| 201 | 014    | Đặng Thùy Anh      |            | 26/10/1996 | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 202 | 022    | Trần Ngọc Mỹ       |            | 11/05/1995 | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 203 | 025    | La Thị Thảo        |            | 07/03/1993 | Tày     | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị | Người dân tộc thiểu số |         |
| 204 | 071    | Phạm Thị Hải Linh  |            | 10/12/1992 | Kinh    | Cử nhân Quản trị kinh doanh    | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 205 | 123    | Lê Minh Công       | 21/11/1994 |            | Kinh    | Cử nhân Quản trị kinh doanh    | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 206 | 125    | Đỗ Việt Hà         |            | 28/12/1986 | Kinh    | Cử nhân Luật, Kinh tế, Quản lý | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 207 | 203    | Nguyễn Lê Minh Thu |            | 19/04/2001 | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị | Con thương binh        |         |
| 208 | 206    | Nguyễn Khánh Ly    |            | 14/04/2001 | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 209 | 244    | Nguyễn Minh Thanh  | 11/11/2000 |            | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 210 | BC02   | Nguyễn Hữu Cường   | 18/12/1985 |            | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị | Con thương binh        |         |
| 211 | BC05   | Nông Huyền Trang   |            | 08/08/1987 | Tày     | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị | Người dân tộc thiểu số |         |
| 212 | BC45   | Nguyễn Thu Hà      |            | 25/12/1998 | Mường   | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị | Người dân tộc thiểu số |         |
| 213 | BC50   | Trần Thị Duyên     |            | 12/01/2000 | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |
| 214 | OL0111 | Nguyễn Thị Thìn    |            | 05/08/1996 | Kinh    | Cử nhân Luật                   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị |                        |         |



| STT | Số ĐK  | Họ và Tên          | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn           | CDNN dự tuyển | Đơn vị dự tuyển              | Đối tượng ưu tiên      | Ghi chú |
|-----|--------|--------------------|------------|------------|---------|-------------------------------|---------------|------------------------------|------------------------|---------|
|     |        |                    | Nam        | Nữ         |         |                               |               |                              |                        |         |
| 215 | OL0146 | Nguyễn Thị Cẩm Chi |            | 10/11/1995 | Kinh    | Cử nhân Luật                  | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    |                        |         |
| 216 | OL0148 | Nguyễn Hiền Lương  |            | 06/12/2000 | Kinh    | Cử nhân Luật                  | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    |                        |         |
| 217 | OL0152 | Từ Thị Nhật Linh   |            | 12/10/2002 | Kinh    | Cử nhân Luật                  | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    |                        |         |
| 218 | OL0175 | Đỗ Văn Tuyển       | 08/04/1998 |            | Kinh    | Cử nhân Luật                  | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    |                        |         |
| 219 | OL0195 | Nguyễn Diệu Huyền  |            | 14/10/2002 | Kinh    | Cử nhân Quản trị kinh doanh   | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    |                        |         |
| 220 | OL0216 | Vàng Thị Quỳnh     |            | 16/08/2001 | Tày     | Cử nhân Luật                  | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    | Người dân tộc thiểu số |         |
| 221 | OL0284 | Lê Văn Đức         | 19/05/1999 |            | Kinh    | Cử nhân Luật                  | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    |                        |         |
| 222 | OL0301 | Dương Mỹ Thiện     |            | 20/08/1993 | Nùng    | Cử nhân Luật                  | Chuyên viên   | Phòng Hành chính quản trị    | Người dân tộc thiểu số |         |
| 223 | 158    | Phạm Thái Uyên     |            | 11/11/1993 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng | Chuyên viên   | Phòng Kiểm toán nội bộ       |                        |         |
| 224 | OL0110 | Nguyễn Thị Thu     |            | 21/09/2001 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng | Chuyên viên   | Phòng Kiểm toán nội bộ       |                        |         |
| 225 | OL0194 | Tạ Thị Hồng Xiêm   |            | 21/03/1994 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng | Chuyên viên   | Phòng Kiểm toán nội bộ       |                        |         |
| 226 | 008    | Nguyễn Phương Liên |            | 29/08/1992 | Kinh    | Cử nhân Kế toán               | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                        |         |
| 227 | 009    | Đào Ngọc Thúy      |            | 14/09/1993 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                        |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên             | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                     | CDNN dự tuyển | Đơn vị dự tuyển              | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|------------|---------|-----------------------------------------|---------------|------------------------------|-------------------|---------|
|     |        |                       | Nam        | Nữ         |         |                                         |               |                              |                   |         |
| 228 | 010    | Lê Thị Thanh Huyền    |            | 27/04/1991 | Kinh    | Cử nhân Kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 229 | 026    | Trương Minh Việt      | 20/03/1989 |            | Kinh    | Cử nhân Công nghệ thông tin             | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 230 | 047    | Nguyễn Phương Linh    |            | 01/11/1997 | Kinh    | Cử nhân Kế toán, Phân tích và Kiểm toán | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 231 | 077    | Phạm Thu Trang        |            | 02/11/1988 | Kinh    | Cử nhân Kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 232 | 180    | Nguyễn Thị Dung       |            | 03/03/1987 | Kinh    | Cử nhân Kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 233 | 213    | Lê Thị Linh           |            | 21/07/1990 | Kinh    | Cử nhân Kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 234 | 226    | Lưu Danh Bút          | 08/02/1984 |            | Kinh    | Cử nhân Kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 235 | BC41   | Lê Thị Hồng           |            | 01/02/1997 | Kinh    | Cử nhân Kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 236 | OL088  | Nguyễn Quốc Phú       | 01/12/2001 |            | Kinh    | Cử nhân Tài chính- Ngân hàng            | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 237 | OL0154 | Nguyễn Thị Quỳnh      |            | 24/06/2000 | Kinh    | Cử nhân kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 238 | OL0156 | Nguyễn Lê Quỳnh Trang |            | 05/01/1999 | Kinh    | Cử nhân kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |
| 239 | OL0288 | Lê Khả Quỳnh Anh      |            | 16/11/2000 | Kinh    | Cử nhân Kế toán                         | Chuyên viên   | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                   |         |



| STT | Số ĐK  | Họ và Tên              | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn         | CDNN dự tuyển | Đơn vị dự tuyển         | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|--------|------------------------|------------|------------|---------|-----------------------------|---------------|-------------------------|-------------------|---------|
|     |        |                        | Nam        | Nữ         |         |                             |               |                         |                   |         |
| 240 | 020    | Cao Như Quỳnh          |            | 13/11/1997 | Kinh    | Bác sĩ Y học Cổ truyền      | Chuyên viên   | Phòng Kế hoạch tổng hợp |                   |         |
| 241 | 073    | Lê Thị Hồng Phương     |            | 01/01/1992 | Kinh    | Cử nhân Quản trị kinh doanh | Chuyên viên   | Phòng Kế hoạch tổng hợp |                   |         |
| 242 | 074    | Nguyễn Trọng Minh      | 09/09/1999 |            | Kinh    | Cử nhân Y tế công cộng      | Chuyên viên   | Phòng Kế hoạch tổng hợp |                   |         |
| 243 | OL0162 | Nguyễn Thị Thanh Huyền |            | 05/02/2002 | Kinh    | Cử nhân Y tế công cộng      | Chuyên viên   | Phòng Kế hoạch tổng hợp |                   |         |
| 244 | OL0196 | Hoàng Yên Lương        |            | 27/03/1997 | Kinh    | Cử nhân Y tế công cộng      | Chuyên viên   | Phòng Kế hoạch tổng hợp |                   |         |
| 245 | OL0206 | Nguyễn Thị Mai Liên    |            | 09/09/1990 | Kinh    | Cử nhân Quản trị kinh doanh | Chuyên viên   | Phòng Kế hoạch tổng hợp |                   |         |
| 246 | OL0253 | Nguyễn Thị Thanh Hằng  |            | 19/09/1999 | Kinh    | Bác sĩ Y học cổ truyền      | Chuyên viên   | Phòng Kế hoạch tổng hợp |                   |         |
| 247 | 012    | Nguyễn Thị Ngân Hà     |            | 12/08/1983 | Kinh    | Cử nhân Hành chính học      | Chuyên viên   | Văn phòng Bệnh viện     |                   |         |
| 248 | 017    | Phạm Thị Thu Huyền     |            | 31/05/1993 | Kinh    | Cử nhân Kinh tế             | Chuyên viên   | Văn phòng Bệnh viện     |                   |         |
| 249 | 229    | Nguyễn Thị Thu Hà      |            | 01/08/1999 | Kinh    | Cử nhân Hành chính học      | Chuyên viên   | Văn phòng Bệnh viện     |                   |         |
| 250 | 237    | Trần Thị Thu Trang     |            | 01/08/2000 | Kinh    | Cử nhân Kinh tế             | Chuyên viên   | Văn phòng Bệnh viện     |                   |         |
| 251 | OL039  | Lê Thị Thùy Linh       |            | 19/08/1999 | Kinh    | Cử nhân Kinh tế             | Chuyên viên   | Văn phòng Bệnh viện     |                   |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên            | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                    | CDNN dự tuyển | Đơn vị dự tuyển                   | Đối tượng ưu tiên      | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|------------|---------|----------------------------------------|---------------|-----------------------------------|------------------------|---------|
|     |        |                      | Nam        | Nữ         |         |                                        |               |                                   |                        |         |
| 252 | OL0197 | Nguyễn Văn Hoan      | 03/01/2000 |            | Kinh    | Cử nhân Quản lý nhà nước               | Chuyên viên   | Văn phòng Bệnh viện               |                        |         |
| 253 | OL0302 | Nguyễn Chiến Thắng   | 02/10/1984 |            | Kinh    | Cử nhân Hành chính học                 | Chuyên viên   | Văn phòng Bệnh viện               |                        |         |
| 254 | 031    | Nguyễn Yến Chi       |            | 01/10/1999 | Kinh    | Cử nhân Quan hệ lao động               | Chuyên viên   | Trung tâm Đào tạo - Chi đạo tuyển |                        |         |
| 255 | 032    | Trần Khánh Linh      |            | 20/06/1999 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng                     | Chuyên viên   | Trung tâm Đào tạo - Chi đạo tuyển |                        |         |
| 256 | 128    | Nguyễn Ánh Tuyết     |            | 11/02/1980 | Kinh    | Cử nhân Luật Kinh tế                   | Chuyên viên   | Phòng Quản lý chất lượng          |                        |         |
| 257 | 129    | Hoàng Thị Vân Anh    |            | 07/09/1989 | Nùng    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng          | Chuyên viên   | Phòng Quản lý chất lượng          | Người dân tộc thiểu số |         |
| 258 | BC29   | Giang Phương Thảo    |            | 03/11/2000 | Kinh    | Cử nhân Luật Kinh tế                   | Chuyên viên   | Phòng Quản lý chất lượng          |                        |         |
| 259 | BC40   | Lại Thị Đông Trang   |            | 06/09/2000 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng          | Chuyên viên   | Phòng Quản lý chất lượng          |                        |         |
| 260 | OL0290 | Vũ Thị Hồng Ngọc     |            | 04/10/2001 | Kinh    | Cử nhân Luật kinh tế                   | Chuyên viên   | Phòng Quản lý chất lượng          |                        |         |
| 261 | 023    | Lương Huyền My       |            | 03/09/1994 | Kinh    | Cử nhân Luật                           | Chuyên viên   | Phòng Công tác xã hội             |                        |         |
| 262 | 027    | Nguyễn Thị Thái Ngọc |            | 14/11/1998 | Kinh    | Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên | Chuyên viên   | Phòng Công tác xã hội             |                        |         |
| 263 | 231    | Nguyễn Thị Tú Trang  |            | 06/03/1998 | Kinh    | Cử nhân Luật                           | Chuyên viên   | Phòng Công tác xã hội             |                        |         |
| 264 | BC49   | Diệp Thị Mỹ Hà       |            | 04/03/1998 | Sán Diu | Cử nhân Luật                           | Chuyên viên   | Phòng Công tác xã hội             | Người dân tộc thiểu số |         |



| STT | Số ĐK  | Họ và Tên             | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                    | CDNN dự tuyển | Đơn vị dự tuyển                                                      | Đối tượng ưu tiên      | Ghi chú |
|-----|--------|-----------------------|------------|------------|---------|----------------------------------------|---------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------|---------|
|     |        |                       | Nam        | Nữ         |         |                                        |               |                                                                      |                        |         |
| 265 | OL008  | Trần Phương Hà        |            | 07/09/2001 | Kinh    | Cử nhân Luật                           | Chuyên viên   | Phòng Công tác xã hội                                                |                        |         |
| 266 | OL0263 | Vũ Thanh Hoan         |            | 14/11/1999 | Kinh    | Cử nhân Luật                           | Chuyên viên   | Phòng Công tác xã hội                                                |                        |         |
| 267 | OL0264 | Nguyễn Bình Nguyên    | 11/03/2001 |            | Kinh    | Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên | Chuyên viên   | Phòng Công tác xã hội                                                |                        |         |
| 268 | 185    | Vũ Thu Hà             |            | 23/08/1999 | Kinh    | Cử nhân Y tế công cộng                 | Chuyên viên   | Khoa Dinh dưỡng                                                      |                        |         |
| 269 | OL0268 | Hoàng Ngọc Minh Khanh |            | 08/10/2001 | Kinh    | Cử nhân Y tế công cộng                 | Chuyên viên   | Khoa Dinh dưỡng                                                      |                        |         |
| 270 | 063    | Nguyễn Tiến Huy       | 20/08/1992 |            | Kinh    | Cử nhân Công nghệ thông tin            | Chuyên viên   | Khoa Phẫu thuật Nhi & Trẻ sơ sinh                                    |                        |         |
| 271 | 202    | Lương Thu Thảo        |            | 13/12/1997 | Kinh    | Cử nhân Luật Kinh tế                   | Chuyên viên   | Trung tâm Ghép tạng                                                  |                        |         |
| 272 | OL0125 | Bùi Thị Thủy Tiên     |            | 15/02/2002 | Mường   | Cử nhân Luật kinh tế                   | Chuyên viên   | Trung tâm Ghép tạng                                                  | Người dân tộc thiểu số |         |
| 273 | 042    | Nguyễn Văn Long       | 06/12/1997 |            | Kinh    | Cử nhân Kỹ thuật Hình ảnh y học        | Chuyên viên   | Phòng đào tạo - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức             |                        |         |
| 274 | 041    | Nguyễn Ngọc Tú        |            | 13/11/1999 | Kinh    | Cử nhân Luật                           | Chuyên viên   | Phòng Hành chính tổng hợp - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                        |         |
| 275 | 110    | Phan Thị Hương        |            | 10/12/1993 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng          | Chuyên viên   | Phòng Hành chính tổng hợp - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                        |         |
| 276 | BC27   | Hoàng Văn Hậu         | 17/12/1988 |            | Kinh    | Cử nhân Luật                           | Chuyên viên   | Phòng Hành chính tổng hợp - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                        |         |

| STT | Số ĐK | Họ và Tên            | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn               | CDNN dự tuyển                | Đơn vị dự tuyển                                                                                     | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|----------------------|------------|------------|---------|-----------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                      | Nam        | Nữ         |         |                                   |                              |                                                                                                     |                   |         |
| 277 | 036   | Phạm Thị Phương Thảo |            | 22/03/1998 | Kinh    | Cử nhân Điều dưỡng                | Chuyên viên                  | Phòng Công tác sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                   |         |
| 278 | 057   | Vũ Duy Anh           | 04/11/1998 |            | Kinh    | Cử nhân Kế toán                   | Chuyên viên                  | Phòng Công tác sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                   |         |
| 279 | BC01  | Nguyễn Thị Ngọc      |            | 20/06/1985 | Kinh    | Cử nhân Kế toán                   | Chuyên viên                  | Phòng Công tác sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                   |         |
| 280 | BC38  | Nguyễn Thị Hòa       |            | 02/08/2002 | Kinh    | Cử nhân điều dưỡng                | Chuyên viên                  | Phòng Công tác sinh viên, khảo thí và đảm bảo chất lượng - Trường Cao đẳng Y tế & Thiết bị Việt Đức |                   |         |
| 281 | 011   | Trần Tuấn Anh        | 13/01/1999 |            | Kinh    | Kỹ sư Công nghệ thông tin         | Công nghệ thông tin hạng III | Phòng Công nghệ thông tin                                                                           |                   |         |
| 282 | 015   | Phạm Quang Huy       | 14/12/1989 |            | Kinh    | Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử viễn thông | Công nghệ thông tin hạng III | Phòng Công nghệ thông tin                                                                           |                   |         |
| 283 | 016   | Phạm Đức Long        | 12/02/1994 |            | Kinh    | Kỹ sư Công nghệ thông tin         | Công nghệ thông tin hạng III | Phòng Công nghệ thông tin                                                                           |                   |         |
| 284 | 019   | Nguyễn Tuấn Nghĩa    | 29/12/1999 |            | Kinh    | Cử nhân Hệ thống thông tin        | Công nghệ thông tin hạng III | Phòng Công nghệ thông tin                                                                           |                   |         |
| 285 | 194   | Đỗ Quang Hùng        | 08/09/2001 |            | Kinh    | Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử viễn thông | Công nghệ thông tin hạng III | Phòng Công nghệ thông tin                                                                           |                   |         |



| STT | Số ĐK  | Họ và Tên           | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                   | CDNN dự tuyển                | Đơn vị dự tuyển           | Đối tượng ưu tiên                                                                                                       | Ghi chú |
|-----|--------|---------------------|------------|------------|---------|---------------------------------------|------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |        |                     | Nam        | Nữ         |         |                                       |                              |                           |                                                                                                                         |         |
| 286 | BC23   | Vi Thị Kim Tuyền    |            | 14/08/2000 | Tày     | Kỹ sư Công nghệ thông tin             | Công nghệ thông tin hạng III | Phòng Công nghệ thông tin | Người dân tộc thiểu số                                                                                                  |         |
| 287 | OL0277 | Nguyễn Quốc Đạt     | 23/10/1990 |            | Kinh    | Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử-Viễn thông     | Công nghệ thông tin hạng III | Phòng Công nghệ thông tin | Con thương binh                                                                                                         |         |
| 288 | 024    | Nguyễn Nhật Đức     | 11/10/1999 |            | Kinh    | Cử nhân Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     |                                                                                                                         |         |
| 289 | 029    | Lê Thị Thanh Vương  |            | 30/04/1996 | Kinh    | Cử nhân Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     |                                                                                                                         |         |
| 290 | BC19   | Hoàng Văn Minh      | 22/08/1994 |            | Nùng    | Cử nhân Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     | Người dân tộc thiểu số                                                                                                  |         |
| 291 | BC30   | Nguyễn Thị Lâm Oanh |            | 20/01/1997 | Kinh    | Thạc sĩ Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     |                                                                                                                         |         |
| 292 | OL0107 | Vũ Duy Trung        | 26/03/1996 | 26/03/1996 | Kinh    | Cử nhân Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     | Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ |         |
| 293 | OL0134 | Trần Ngọc Trường    | 06/09/2002 |            | Kinh    | Cử nhân Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     |                                                                                                                         |         |
| 294 | OL0201 | Nguyễn Thị Kim Anh  |            | 10/10/2002 | Kinh    | Cử nhân Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     |                                                                                                                         |         |
| 295 | OL0297 | Lưu Thị Thu Trang   |            | 29/04/1997 | Kinh    | Cử nhân Công tác xã hội               | Công tác xã hội viên         | Phòng Công tác xã hội     |                                                                                                                         |         |
| 296 | 198    | Nguyễn Tuấn Linh    | 25/05/1993 |            | Kinh    | Thạc sĩ Kế toán, Kiểm toán, Phân tích | Kế toán viên (hạng III)      | Phòng Hành chính quản trị |                                                                                                                         |         |

| STT | Số ĐK  | Họ và Tên            | Ngày sinh  |            | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                        | CDNN dự tuyển           | Đơn vị dự tuyển              | Đối tượng ưu tiên                 | Ghi chú |
|-----|--------|----------------------|------------|------------|---------|--------------------------------------------|-------------------------|------------------------------|-----------------------------------|---------|
|     |        |                      | Nam        | Nữ         |         |                                            |                         |                              |                                   |         |
| 297 | OL0157 | Nguyễn Thị Minh Tân  |            | 25/10/1992 | Kinh    | Cử nhân kế toán                            | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Hành chính quản trị    |                                   |         |
| 298 | OL0240 | Phạm Thị Thùy Linh   |            | 25/05/1987 | Kinh    | Cử nhân kế toán                            | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Hành chính quản trị    |                                   |         |
| 299 | 105    | Nguyễn Việt Hồng     | 27/04/1997 |            | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng              | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Tài chính kế toán      |                                   |         |
| 300 | 163    | Đỗ Hải Anh           | 11/11/1997 |            | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng              | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Tài chính kế toán      |                                   |         |
| 301 | 184    | Đào Thị Lan Anh      |            | 30/10/1995 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng              | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Tài chính kế toán      |                                   |         |
| 302 | OL041  | Nguyễn Thị Ngọc Ánh  |            | 20/08/1997 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng              | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Tài chính kế toán      |                                   |         |
| 303 | OL0224 | Nguyễn Lộc Anh       |            | 18/01/2001 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng              | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Tài chính kế toán      |                                   |         |
| 304 | OL0243 | Nguyễn Thị Thu Trang |            | 24/06/1998 | Kinh    | Cử nhân Tài chính - Ngân hàng              | Kế toán viên (hạng III) | Phòng Tài chính kế toán      |                                   |         |
| 305 | 098    | Ngô Đức Toàn         | 06/11/1977 |            | Kinh    | Kỹ sư Kỹ thuật điện                        | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Hành chính quản trị    | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự |         |
| 306 | 208    | Trần Minh Đức        | 01/12/1981 |            | Kinh    | Kỹ sư Xây dựng đường bộ                    | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Hành chính quản trị    |                                   |         |
| 307 | 159    | Nguyễn Thành Trung   | 18/05/1989 |            | Kinh    | Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử viễn thông          | Kỹ sư (hạng III)        | Phòng Vật tư - Thiết bị y tế |                                   |         |
| 308 | 054    | Nguyễn Quốc Vũ       | 02/12/1995 |            | Kinh    | Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Phòng Hành chính quản trị    | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự |         |



| STT | Số ĐK | Họ và Tên            | Ngày sinh  |    | Dân tộc | Trình độ chuyên môn                               | CDNN dự tuyển           | Đơn vị dự tuyển           | Đối tượng ưu tiên | Ghi chú |
|-----|-------|----------------------|------------|----|---------|---------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------|-------------------|---------|
|     |       |                      | Nam        | Nữ |         |                                                   |                         |                           |                   |         |
| 309 | 055   | Lê Đức Dũng          | 04/07/1990 |    | Kinh    | Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử         | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Phòng Hành chính quản trị |                   |         |
| 310 | 076   | Nguyễn Xuân Nhật Sơn | 12/12/1991 |    | Kinh    | Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông | Kỹ thuật viên (hạng IV) | Phòng Hành chính quản trị |                   |         |

### THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

*Lê Thị Thu*

**Lê Thị Thu**

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG  
CHỦ TỊCH

*[Signature]*

BỆNH VIỆN  
HỮU NGHỊ  
VIỆT ĐỨC

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
Dương Đức Hùng



